

Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên mới tốt nghiệp của Khoa Vận tải kinh tế - Trường Đại học Giao thông vận tải

■ TS. DƯƠNG HỮU TUYẾN; TS. TRẦN ĐỨC THUNG

Trường Đại học Giao thông vận tải

TÓM TẮT: Trong rất nhiều nguyên nhân để sinh viên khi ra trường khởi nghiệp không thành công, có thể đề cập đến các nguyên nhân chủ quan thuộc bản thân sinh viên và các yếu tố liên quan đến môi trường học tập của sinh viên trong trường đại học, định hướng nghề nghiệp của sinh viên, sự hỗ trợ của gia đình, đồng nghiệp. Việc xác định, lượng hóa các yếu tố, nguyên nhân sẽ giúp sinh viên mới ra trường có các quyết định khởi nghiệp hay không? Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm phân tích, đánh giá sự tác động của các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên nói chung, cựu sinh viên Khoa Vận tải kinh tế - Trường Đại học GTVT nói riêng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong các yếu tố nghiên cứu, yếu tố nhân tố về kinh nghiệm bản thân với hệ số hồi quy chuẩn hóa là 0,514 có tác động lớn nhất đến quyết định khởi nghiệp của cựu sinh viên.

TỪ KHÓA: Sinh viên, khởi nghiệp, ý định

ABSTRACT: Among many reasons for students not to succeed in start-up, it is possible to mention subjective reasons of the students themselves and the factors related to the learning environment of students in universities, the career orientation of students, the support of family, colleagues. Will the identification and quantification of factors and causes help fresh graduates have career decisions? The objective of this study is to analyze and evaluate the impact of the basic factors affecting the start-up intention of students in general and alumni of the Faculty of Economics - Transport, University of Transport and Communications in particular. The result of the study shows that, among the research factors, the personal experience factor with a standardized regression coefficient of 0.514 has the greatest impact on the alumni start-up decision.

KEYWORDS: Student, start-up, intention

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khởi nghiệp (start-up) là thuật ngữ chỉ về những công ty đang trong giai đoạn bắt đầu kinh doanh nói chung, nó thường được dùng với nghĩa hẹp chỉ các công ty công nghệ trong giai đoạn lập nghiệp. Khởi nghiệp là một tổ chức được thiết kế nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong những điều kiện không chắc chắn nhất. Nhằm thúc đẩy phát triển khởi nghiệp, năm 2016, Chính phủ đã phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025". Từ đó, số lượng các doanh nghiệp khởi nghiệp đã không ngừng tăng lên. Theo thống kê của Tạp chí Echelon, Singapore, năm 2018, Việt Nam có khoảng 3.000 doanh nghiệp khởi nghiệp, tăng gần gấp đôi so với năm 2015. Trong số đó, có rất nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp với chủ sở hữu cho các ý tưởng, chủ doanh nghiệp là sinh viên các trường đại học mới ra trường. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2018, tỷ lệ sinh viên ra trường và vẫn thất nghiệp là trên dưới 4%, với hơn 200.000 sinh viên. Trong điều kiện đó, việc sinh viên ra trường và có quyết định khởi nghiệp sẽ ra tăng. Tuy nhiên, theo nhận định của các chuyên gia tại hội thảo khởi nghiệp của sinh viên năm 2018 (Hội thảo "Nên hay không, chuyện sinh viên khởi nghiệp khi đang còn ngồi trên ghế nhà trường?", Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) thì tỷ lệ thành công của các dự án khởi nghiệp của sinh viên, sinh viên mới ra trường là không cao và thất bại rất sớm.

Trong rất nhiều nguyên nhân để sinh viên khi ra trường khởi nghiệp không thành công, có thể đề cập đến các nguyên nhân chủ quan thuộc bản thân sinh viên và các yếu tố liên quan đến môi trường học tập của sinh viên trong trường đại học, định hướng nghề nghiệp của sinh viên, sự hỗ trợ của gia đình, đồng nghiệp... Việc xác định, lượng hóa các yếu tố, nguyên nhân sẽ giúp sinh viên mới ra trường có các quyết định khởi nghiệp hay không? Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm phân tích, đánh giá sự tác động của các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quyết định khởi nghiệp của sinh viên nói chung, cựu sinh viên Khoa Vận tải kinh tế - Trường Đại học GTVT nói riêng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong các yếu tố nghiên cứu, yếu tố nhân tố về kinh nghiệm bản thân với

hệ số hồi quy chuẩn hóa là 0,514 có tác động lớn nhất đến quyết định khởi nghiệp của cựu sinh viên.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Các lý thuyết liên quan

2.1.1. Khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp

Trong điều kiện của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trên mọi lĩnh vực và mọi quốc gia, khái niệm về khởi nghiệp đã được nhiều tác giả và nhà nghiên cứu đưa ra. Khởi nghiệp (tiếng Anh: Startup) là thuật ngữ nói về những công ty đang trong giai đoạn bắt đầu kinh doanh nói chung, nghĩa hẹp chỉ các công ty công nghệ trong giai đoạn lập nghiệp hay Khởi nghiệp sáng tạo (startup) là quá trình khởi nghiệp đưa trên việc tạo ra hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa và có khả năng tăng trưởng nhanh (Ngô Thị Mỹ Châu, 2018).

Theo Souitaris (2007), Ngô Thị Thanh Tiên (2015), ý định khởi nghiệp được tiếp cận theo ý định thực hiện hành động của một cá nhân nào đó và đó là một quá trình định hướng lập kế hoạch tạo lập doanh nghiệp. Theo Schwarz (2009), ý định khởi nghiệp của sinh viên xuất phát từ các ý tưởng của sinh viên và được định hướng đúng đắn từ chương trình giáo dục và những người đào tạo.

2.1.2. Các lý thuyết liên quan

Liên quan đến ý định khởi nghiệp nói chung, ý định khởi nghiệp của sinh viên nói riêng, có một số lý thuyết liên quan như lý thuyết về hành vi kế hoạch (TPB) của Aen (1991). Lý thuyết này đã được một số nhà nghiên cứu ứng dụng như nghiên cứu của Phan Anh Tú và Giang Thị Cẩm Tiên (2015) trong điều kiện của Việt Nam. Hay lý thuyết về sự kiện khởi nghiệp kinh doanh của Shapero và Sokol (1982). Lý thuyết này chỉ ra rằng, các yếu tố hoàn cảnh cá nhân (displacements) và thái độ của cá nhân đó đối với việc khởi nghiệp (thể hiện bằng hai khía cạnh là cảm nhận của cá nhân về tính khả thi và cảm nhận của cá nhân về mong muốn khởi nghiệp) sẽ ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn để thành lập một doanh nghiệp của họ.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên

Trong các nghiên cứu trước, có nhiều nghiên cứu đã cho thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng và tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên như nghiên cứu của Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền, Mai Vũ Ngọc Thanh (2016) gồm 7 yếu tố là thái độ, nguồn vốn, sự sẵn sàng kinh doanh, sự đam mê kinh doanh, kinh nghiệm làm việc, quy chuẩn chủ quan và giáo dục. Hay nghiên cứu của Nguyễn Thị Yến (2011) cho thấy sự sẵn sàng kinh doanh, tính cách cá nhân, sự đam mê kinh doanh là những yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên. Nghiên cứu của Đoàn Thị Thu Trang (2018) đã cho thấy có 3 yếu tố tác động trực tiếp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên đó là thái độ với khởi nghiệp, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi.

Như vậy, có nhiều nghiên cứu và cũng có nhiều yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên nói chung.

Các yếu tố tính cách cá nhân liên quan đến ý định khởi nghiệp kinh doanh được tác giả Driesen & Zwart (2006) đề cập bao gồm nhu cầu thành đạt của cá nhân, nhu cầu tự chủ, nhu cầu quyền lực..., sự tự tin, tính nhẫn nại, chấp nhận rủi ro, khả năng sáng tạo, khả năng thích ứng của sinh viên với môi trường kinh doanh.

Các yếu tố liên quan đến kinh nghiệm làm việc và trải nghiệm bản thân của sinh viên. Theo nghiên cứu của Thandi & Sharma (2004), kinh nghiệm làm việc và các trải nghiệm cá nhân sẽ là những yếu tố kích thích ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Giáo dục khởi nghiệp tại trường đại học: Môi trường giáo dục và đào tạo trong trường đại học là một trong những yếu tố có tính quyết định đến ý định khởi nghiệp của sinh viên (Hyder, 2011). Theo đó, giáo dục và đào tạo có ảnh hưởng tới phân tích, lập kế hoạch và kiểm soát các quá trình khởi nghiệp và các cá nhân được đào tạo cao sẽ có nhiều khả năng để theo đuổi các cơ hội kinh doanh. Quá trình học tập không nên chỉ giới hạn ở các cuộc thảo luận trong lớp học mà việc tương tác với môi trường kinh doanh năng động trong thực tế ngày nay là rất quan trọng vì kỹ năng kinh doanh chỉ được phát triển và hoàn thiện nếu chúng được thực hành (Dilts & Fowler, 1999).

Nguồn vốn là một trong những yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên (Nguyễn Quốc Nghi, 2016). Thực tế cho thấy, các dự án khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên thường gặp khó khăn và khó thành công khi không có các nhà tài trợ, các nguồn vốn dài hạn đầu tư. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Yến (2011) cũng cho kết quả tương tự.

Với các nghiên cứu trước ở trên, tác giả đề xuất những góc nhìn nghiên cứu như sau:

H1. Tính cách cá nhân liên quan đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên.

H2. Kinh nghiệm làm việc và trải nghiệm bản thân liên quan đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên.

H3. Giáo dục khởi nghiệp tại trường đại học liên quan đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên.

H4. Nguồn vốn liên quan đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Đo lường các biến

Để đo lường các biến, trong phạm vi bài báo, tác giả sử dụng các câu hỏi đã được đề xuất, nghiên cứu và đánh giá trong các nghiên cứu như Nguyễn Thị Yến (2011), Phạm Quốc Tùng và ctv (2012); Nguyễn Quốc Nghi (2016). Các câu hỏi đó đã được tham khảo ý kiến của 5 chuyên gia tại là CEO của các doanh nghiệp khởi nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2018 tại Hà Nội trong tháng 7/2019 và từ đó điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế. Tất cả các câu hỏi của các biến được đo lường bằng thang đo 5 mức độ của Likert, với 1 = Rất không quan trọng đến 5 = Rất quan trọng, kết quả được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.1. Tổng hợp các câu hỏi

Biến	Câu hỏi	Nguồn
Tinh cách cá nhân (TCCN)	Sự tự tin và quyết định khởi nghiệp Am hiểu thị trường và quyết định khởi nghiệp Khả năng sáng tạo và quyết định khởi nghiệp Khả năng thích ứng và quyết định khởi nghiệp Như cấu tự chủ và quyết định khởi nghiệp	Nguyễn Thị Yến (2011), Nguyễn Quốc Nghi (2016)
Kinh nghiệm làm việc và trải nghiệm bản thân (KNBT)	Kinh nghiệm đi làm thêm và quyết định khởi nghiệp Tham gia hoạt động ngoại khóa, hoạt động thực tế tại doanh nghiệp Là thành viên câu lạc bộ về kinh doanh và khởi nghiệp kinh doanh	Phạm Quốc Tùng và ctv (2012); Nguyễn Quốc Nghi (2016)
Giáo dục khởi nghiệp tại Trường đại học (GD)	Hoạt động truyền cảm hứng ở trường đại học và quyết định khởi nghiệp kinh doanh của bạn Hoạt động thực tế giúp bạn có ý tưởng mới và quyết định khởi nghiệp kinh doanh Quá trình học tập tại trường giúp bạn có kỹ năng để khởi nghiệp kinh doanh Qua trình học tập tại trường giúp bạn có kiến thức để khởi nghiệp kinh doanh	Nguyễn Thị Yến (2011), Phạm Quốc Tùng và ctv (2012); Nguyễn Quốc Nghi (2016)
Nguồn vốn (NV)	Huy động vốn từ gia đình giúp bạn khởi nghiệp kinh doanh Huy động vốn từ bạn bè giúp bạn khởi nghiệp kinh doanh Huy động vốn từ đồng nghiệp giúp bạn khởi nghiệp kinh doanh Huy động vốn từ các nguồn đầu tư giúp bạn khởi nghiệp kinh doanh	Nguyễn Thị Yến (2011), Phạm Quốc Tùng và ctv (2012), Nguyễn Quốc Nghi (2016)
Ý định khởi nghiệp (YDKN)	Ban mở doanh nghiệp để kinh doanh Ban muốn được tự làm chủ Ban có quyết tâm mạnh mẽ để bắt đầu một doanh nghiệp Ban có gắng hết sức để bắt đầu công việc kinh doanh	Nguyễn Quốc Nghi (2016)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

3.2. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

Để thu thập dữ liệu phục vụ phân tích, đánh giá các giả thuyết nghiên cứu, thông qua mạng xã hội và mạng lưới thông tin với sinh viên các lớp đã học tập tại trường để gửi bảng câu hỏi thông qua phần mềm google doc. Kết quả ghi nhận được là 220 câu trả lời, nhưng có 9 câu trả lời không hợp lệ do không đủ thông tin. Cuối cùng

có 211 câu trả lời được sử dụng trong phân tích và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

4. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH VÀ BÌNH LUẬN

Các kết quả kiểm định tại Bảng 4.1 cho thấy, các thang đo các nhân tố nghiên cứu đều có Cronbach's Alpha lớn hơn 0,7 và hệ số KMO cũng lớn hơn 0,7 nên đáp ứng các yêu cầu về độ tin cậy của số liệu điều tra. Chi tiết trong Bảng 4.1.

Bảng 4.1. Kiểm định độ tin cậy

Biến	Thang đo trung bình nếu loại bỏ biến	Phương sai Thang đo nếu loại bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Alpha nếu loại bỏ biến
TCCN - Cronbach's Alpha = 0,942, KMO = 0,817				
TCCN1	16,3791	13,294	,880	,923
TCCN2	16,6540	12,199	,882	,923
TCCN3	16,2607	13,794	,804	,936
TCCN4	16,3886	13,201	,883	,922
TCCN5	16,4597	13,278	,784	,940
KNBT, Cronbach's Alpha = 0,963; KMO = 0,717				
KNBT1	6,0095	4,571	,776	,777
KNBT2	5,5450	5,306	,678	,865
KNBT3	6,1991	5,513	,785	,778
GD, Cronbach's Alpha = 0,930, KMO = 0,842				
GD1	8,7251	12,181	,780	,926
GD2	9,4976	10,185	,843	,911
GD3	9,0806	11,227	,848	,904
GD4	9,0379	11,799	,900	,892
NV, Cronbach's Alpha = 0,788, KMO = 0,711				
NV1	8,3507	7,562	,526	,770
NV2	8,6445	6,697	,643	,712
NV3	8,6161	6,857	,631	,718
NV4	8,6825	7,351	,586	,741
YDKN, Cronbach's Alpha = 0,921, KMO = 0,789				
YDKN1	13,3981	3,926	,833	,893
YDKN2	13,4171	4,044	,822	,897
YDKN3	13,4455	4,248	,809	,902
YDKN4	13,4265	4,160	,813	,900

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

Kết quả phân tích nhân tố cho thấy, có 4 nhân tố độc lập với hệ số KMO là 0,813 và phương sai trích là 78,159 (lớn hơn 50%).

Rotated Component Matrix*

	Component			
	1	2	3	4
TCCN2	,908			
TCCN3	,884			
TCCN4	,866			
TCCN1	,866			
TCCN5	,861			
GD4		,940		
GD3		,909		
GD2		,904		
GD1		,869		
KNBT3			,847	
KNBT1			,843	
KNBT2			,840	
NV3				,818
NV4				,801
NV2				,787
NV1				,683

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

Kết quả đó cho phép nghiên cứu tiến hành bước tiếp theo của phân tích số liệu là kiểm định hệ số hồi quy và phân tích ANOVA.

Bảng 4.2. Kết quả phân tích mô hình

Model	R	R bình phương	R bình phương hiệu chỉnh	Sai số chuẩn ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	,759 ^a	,576	,568	,65763158	1,205

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

Kết quả phân tích mô hình hồi quy cho thấy, mô hình có $R^2 = 0,576$ và R^2 được điều chỉnh = 0,568. R^2 được điều chỉnh = 0,568 nói lên độ thích hợp của mô hình là 56,8%, hay nói cách khác, 56,8% sự biến thiên của biến "ý định khởi nghiệp kinh doanh" được giải thích bởi 4 biến độc lập là nguồn vốn, tính cách cá nhân, kinh nghiệm bản thân và giáo dục và đào tạo tại trường đại học. Kết quả kiểm định ANOVA cũng cho thấy hệ số F là 69,893 với sig là 0,000, cho thấy mẫu nghiên cứu có thể đại diện cho tổng thể nghiên cứu.

Bảng 4.3. Kết quả phân tích hệ số hồi quy

Mô hình B	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Mức ý nghĩa
	Sai số	Beta			
(Constant)	-4,811E-016	,045		,000	1,000
TCCN	,246	,051	,246	4,777	,000
KNBT	,514	,053	,514	9,688	,000
GD	,167	,047	,167	3,545	,000
NV	,158	,047	,158	3,350	,001

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

Kết quả tại Bảng 4.3 cho thấy, các hệ số hồi quy đều lớn hơn 0,1 và đều dương với mức ý nghĩa nhỏ

hơn 0,0001 cho thấy các giả thuyết nghiên cứu đều có ý nghĩa và đều được chấp nhận. Kết quả cũng cho thấy, trong 4 nhân tố nghiên cứu tác động đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên sau khi tốt nghiệp thì nhân tố về kinh nghiệm bản thân là có tác động mạnh nhất với hệ số hồi quy chuẩn hóa là 0,514 (sig = 0,000), nhân tố tính cách cá nhân có tác động lớn thứ 2 với hệ số hồi quy chuẩn hóa là 0,246 (sig = 0,000), nhân tố nguồn vốn đứng thứ 3 và nhân tố giáo dục trong trường đại học có tác động nhỏ nhất.

5. KẾT LUẬN

Ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên mới ra trường chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố, trong đó có các nhân tố chủ quan thuộc về sinh viên và cả những nhân tố khách quan như môi trường giáo dục và đào tạo của sinh viên. Xét trong điều kiện của các trường đại học tại Việt Nam, việc định hướng trong giáo dục cho sinh viên có ý định khởi nghiệp kinh doanh, làm chủ doanh nghiệp trong tương lai là rất quan trọng, đòi hỏi toàn bộ hệ thống giáo dục cần phải nghiên cứu, xem xét đến các yếu tố ở trên. Trong đó, đặc biệt nâng cao ý thức của sinh viên trong việc tích lũy kinh nghiệm bản thân trong học tập và làm việc khi sinh viên còn trên ghế nhà trường. Đồng thời, các trường đại học cũng nên chú trọng đào tạo và định hướng cho sinh viên thông qua các chương trình đào tạo hướng nghiệp, giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng và nền tảng kiến thức sâu, rộng để có thể khởi nghiệp thành công khi ra trường.

Bài báo đã đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên sau khi ra trường và đã cho thấy có 4 yếu tố cơ bản tác động đến 56,8%, đó là kinh nghiệm bản thân, tính cách cá nhân, nguồn vốn và giáo dục trong trường đại học. Tuy nhiên, bài báo có một số hạn chế như quy mô mẫu chưa đủ lớn trên tổng thể khoảng 1.000 sinh viên của Khoa Vận tải kinh tế ra trường một năm, chưa nghiên cứu đầy đủ các yếu tố khác như yếu tố về môi trường kinh doanh, môi trường kinh tế cũng ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên sau khi ra trường.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đoàn Thị Thu Trang (2018), *Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp sinh viên khối ngành kỹ thuật*.
- [2]. Ngô Thị Hạnh Tiên (2016), *Tổng quan lý thuyết về ý định khởi nghiệp của sinh viên*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học mở TP. Hồ Chí Minh, số 5, tr.56-65.
- [3]. Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền, M. V. Ngọc Thanh (2016), *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khối ngành Quản trị kinh doanh tại các đại học, cao đẳng ở TP. Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến, số 10, tr.55-64.
- [4]. Nguyễn Thị Yến và cộng sự (2011), *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên ĐHQG TP. Hồ Chí Minh*, Đề tài nghiên cứu khoa học Eureka.

[5]. Phan Anh Tú và Giang Thị Cẩm Tiên (2015), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp: Trường hợp sinh viên khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 38, tr.59-66.

[6]. Ajzen (1991), *The Theory of Planned Behavior*, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, vol.50, pp.179-211.

[7]. Austrian perspective, *Education + Training*, 51(4), 272-291.

[8]. Dilts, Jeffrey C. and Shaanette M. Fowler, *Internships: preparing students for an entrepreneurial career*, *Journal of Business and Entrepreneurship* 11.1 (1999): 51-63.

[9]. Driesen, Martijn P. and Peter S. Zwart (2006), *The Entrepreneur Scan Measuring Characteristics and Traits of Entrepreneurs*.

[10]. *Entrepreneurial intention of science and engineering students? The effect of learning, inspiration and resources*, *Journal of Business Venturing*, 22(4), 566-591.

[11]. Hyder, A., Azhar, A., Javaid, A., & Rehman, M. (2011), *Entrepreneurial intentions among business students in Pakistan*, *Journal of Business Systems, Governance and Ethics*, 5(2).

[12]. *Of attitudes and perceived environment conditions on students' entrepreneurial intent*, An.

[13]. Schwarz, E. J., Wdowiak, M. a., Almer-Jarz, D. a., & Breitenacker, R. J. (2009), *The effects*

[14]. Sexton, & K.H. Vesper (Eds.), *Encyclopedia of entrepreneurship*, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall, pp.72-90.

[15]. Shapero, A. & Sokol, L. (1982), *Social dimensions of entrepreneurship* in C.A. Kent, D.L.

[16]. Souitaris, V., Zerbinati, S., & Al-Laham, A. (2007), *Do entrepreneurship programmes raise.*

[17]. Thandi, H., & Sharma, R. (2004), *MBA Students' preparedness for enterpreneurial efforts*, *Tertiary Education & Management*, 10(3), 209-226.

Ngày nhận bài: 02/3/2020

Ngày chấp nhận đăng: 17/3/2020

Người phản biện: TS. Nguyễn Văn Hiến

TS. Nguyễn Thị Văn Hà